TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ QUAO** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2019/DSST
Ngày: 27-11-2019
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Thanh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh;
2. Bà Vũ Thị Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Ông Võ Hoàng Hạt - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 116/2018/TLST-DS ngày 05/12/2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2019/QĐXXST-DS, ngày 23 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2019/QĐST-DS ngày 08/11/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Thị Kim H1 - sinh năm 1965 (có mặt).
Địa chỉ: ấp A1, xã Đ, huyện G, tỉnh K.
2. Bị đơn: Bà Thái Thị Ph - sinh năm 1971 (vắng mặt).
Địa chỉ: ấp A1, xã Đ, huyện G, tỉnh K.
3. Người làm chứng: Bà Huỳnh Thị H2 - sinh năm 1980 (vắng mặt).
Địa chỉ: ấp A2, xã Đ, huyện G, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/10/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Thị Kim H1 trình bày: Vào ngày 14/3/2018 tôi có cho bà Thái Thị Ph mượn số tiền là 50.000.000 đồng, để đáo nợ Ngân hàng với lãi suất là 50.000.000 đồng là 250.000 đồng/ngày và hẹn 03 ngày trả vốn và lãi. Khi đến hẹn thì bà Ph không trả vốn và lãi cho tôi nên tôi có đến nhà bà Ph đòi nợ thì bà nói đi nộp tiền trễ hẹn nên Ngân hàng không cho đáo hạn lại được mà đợi vài ngày nữa. Sau đó, tôi đến nhà bà Ph thì bà nói không rút tiền được nên bà nói với tôi là đi thưa đi. Tôi không có làm đơn thưa kiện nên tôi có đến nhà bà Ph hai lần nữa nhưng bà đã đi làm ở Phú Quốc không có nhà. Khi bà Ph không có nhà nên tôi mới làm đơn khởi kiện yêu cầu bà trả cho tôi số tiền trên và lãi theo quy định của pháp luật.

Về biên nhận là do tôi và bà Ph nhờ bà Huỳnh Thị H2 ở ấp A2, xã Đ viết dùm. Khi viết có mặt tôi, bà Ph, bà H2, khi viết dùm xong thì bà H2 có đọc lại nội dung cho hai bên nghe nên bà Ph mới ký tên và viết họ tên.

Nguyện vọng: Tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Thái Thị Ph phải trả cho tôi số tiền còn thiếu là 50.000.000 đồng và tính lãi suất theo quy định của Nhà nước từ ngày 14/3/2018 đến khi giải quyết xong vụ án và trả một lần dứt nợ.

Tại bản tự khai ngày 24/02/2019 bị đơn bà Thái Thị Ph trình bày: Tôi xác định là tôi không có vay mượn tiền gì của bà H1. Thực tế là ông Danh Q em chồng bà H1 mượn hai giấy CNQSD đất của tôi để vay tiền của Ngân hàng TMCP Kiên Long với số tiền là 10.000.000 đồng và Ngân hàng Bưu Điện Liên Việt là 50.000.000 đồng. Sau đó, ông Q mới mượn bà H1 50.000.000 đồng để trả cho Ngân hàng nhưng ông Q không lấy được là do ông bận họp mà nhờ tôi lấy dùm để trả nợ cho Ngân hàng vì giấy CNQSD đất của tôi và thủ tục vay tiền ở ngân hàng do tôi ký tên.

Về biên nhận do bà H1 cung cấp cho Tòa án tôi xác định là chữ ký và chữ viết của tôi vì tôi ký tên là ký nhận tiền dùm cho ông Q chứ tôi không có vay mượn tiền của bà H1. Đồng thời, khi tôi đến nhận tiền thì bà H1 kêu tôi viết biên nhận là có nhận tiền thì tôi nói đến công an xã làm nên bà H1 nói có ký nhận tiền để trả cho ngân hàng là được. Do đó, bà H1 nhờ người khác viết dùm biên nhận và tôi không biết tên người viết dùm nhưng tôi biết mặt, lúc viết xong biên nhận không có đọc lại và tôi không có đọc lại nội dung biên nhận.

Nguyện vọng: Tôi không thừa nhận có vay mượn tiền vì của bà H1 nên tôi không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của bà H1.

Người làm chứng bà Huỳnh Thị H2 trình bày: Tôi xác định biên nhận ngày 14/3/2018 là chữ viết của tôi, do bà H1 và bà Ph nhờ tôi viết dum. Sau khi viết xong tôi có đọc lại nội dung cho bà H1 và bà Ph nghe nên bà Ph ký tên, ghi họ tên vào biên nhận.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã tuân thủ các thủ tục về thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết của Tòa án cũng như các thủ tục hòa giải, thủ tục tố tụng tại phiên tòa là đúng theo qui định. Đối với đương sự thì nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của pháp luật là có mặt đúng theo giấy triệu tập của Tòa án còn bị đơn đã được triệu hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa là không tuân thủ quy định của pháp luật. Tuy nhiên, cũng còn một số vi phạm như: Vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử nên đề nghị Tòa án khắc phục sau này.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự cũng như tại phiên tòa hôm nay, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là buộc bà Thái Thị Ph trả cho bà Thị Kim H1 số tiền là 50.000.000 đồng và tính lãi suất theo qui định của pháp luật từ ngày 14/3/2018 đến ngày xét xử là 27/11/2019.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Thị Kim H1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Thái Thị Ph phải trả số tiền còn nợ nên quan hệ tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Thái Thị Ph là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã được tống đạt hợp lệ nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp.

[2] Về tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì thấy rằng vào ngày 04/12/2018 nguyên đơn có cung cấp "*Biên nhận ngày 14/3/2018*" với nội dung "*Tôi Thái Thị Ph có mượn tiền của chị Thị Kim H1 số là 50.000.000 đồng (Năm chục triệu đồng) tôi hứa ngày 19 trả cho chị Hồng. Nếu không tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật*". Đồng thời, trong biên nhận có chữ ký và chữ viết họ tên của bà Ph. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì.

[3] Về nội dung: Bà Thái Thị Ph xác định là bà có đến nhà bà Thị Kim H1 và có nhận số tiền 50.000.000 đồng là sự thật nhưng bà nhận số tiền này dùm ông Danh Q. Đồng thời, bà Ph cũng thừa nhận chữ ký và chữ viết họ tên trong biên nhận ngày 14/3/2018 là do bà ký, viết ra nhưng bà không thừa nhận là còn thiếu bà H1 số tiền này.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà H thì HĐXX thấy rằng: Vào ngày 14/3/2018 bà Ph có đến nhà bà H1 để vay số tiền là 50.000.000 đồng, hai bên có làm biên nhận cùng ngày. Bà Ph cam kết trong 03 ngày sẽ trả hết số tiền này cho bà H1. Đồng thời, bà H1 và bà Ph xác định biên nhận là hai bà nhờ bà H2 viết dùm. Mặc khác, bà Ph cũng thừa nhận chữ ký tên và chữ viết họ tên trên biên nhận ngày 14/3/2018 là do bà ký và viết ra. Hơn nữa, bà H2 cũng xác định biên nhận ngày 14/3/2018 là do bà H1 và bà Ph nhờ bà viết dùm. Do đó, yêu cầu của bà H1 là có căn cứ chấp nhận.

Xét về lời bày của bà Thái Thị Ph thấy rằng: Bà thừa nhận là bà có đến nhà bà H1 và có nhận số tiền là 50.000.000 đồng là nhận dùm ông Q chứ bà không có vay tiền của bà H1 nên lời trình bày này của bà Ph là không có căn cứ chấp nhận. Bởi vì, bà cho rằng nhận dùm ông Quyền số tiền trên thì trong biên nhận nợ bà phải yêu cầu bà H1 ghi là bà nhận dùm ông Q nhưng biên nhận nợ ngày 14/3/2018 ghi là bà mượn bà H1 50.000.000 đồng. Hơn nữa, bà H1 xác định là bà không có cho ông Q mượn tiền nếu có cho ông Q mượn thì ông Q đến nhận vì ông Q là em chồng của bà H1 còn bà với bà H1 và ông Q không có quan hệ gì mà chỉ quen biết ở cùng địa phương. Đồng thời, Tòa án cũng thông báo cho bà Ph cung cấp chứng cứ chứng minh là bà nhận tiền dùm ông Q nhưng bà cũng không cung cấp chứng cứ gì để chứng minh là bà nhận tiền dùm ông Q. Do đó, HĐXX không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của bà nên buộc bà Ph phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà H1 số tiền trên là có căn cứ và đúng theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015.

Xét lời trình bày của bà H2 thì thấy rằng: Biên nhận nợ ngày 14/3/2018 giữa bà H1 và bà Ph là do bà H1, bà Ph nhờ bà viết dùm. Hơn nữa, bà H2 cũng xác định khi bà viết xong biên nhận nợ thì bà có đọc lại cho bà H1 và bà Ph nghe nên bà Ph ký tên, ghi họ tên vào biên nhận. Đồng thời, bà Ph cũng thừa nhận chữ ký tên và chữ viết họ tên trong biên nhận nợ là của mình. Do đó, lời trình bày của bà H1 là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về lãi suất: Xét yêu cầu tính lãi suất của bà H1 thì bà yêu cầu tính lãi theo qui định của pháp luật từ ngày 14/3/2018 đến khi xét xử yêu cầu này của bà H1 là có căn cứ chấp nhận. Bởi vì, biên nhận nợ ngày 14/3/2018 thì bà Ph đã thừa nhận chữ ký và chữ viết họ tên của bà và hẹn thời gian là 03 ngày trả hết cho bà H1 nhưng đến hẹn bà Ph không trả được nợ và để kéo dài đến nay. Do đó, bà Ph có lỗi là không trả nợ đúng hẹn nên yêu cầu tính lãi suất của bà H1 là đúng với quy định của pháp luật, có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

Do đó, theo qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015: "*Trường hợp các bên có thoả thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ*".

Đối chiếu quy định trên thì lãi suất cho phép là 10%/năm: 12 tháng = 0,83%/tháng nên lãi suất tính từ ngày 14/3/2018 đến ngày xét xử là 27/11/2019 là 20 tháng 13 ngày:

(50.000.000đ x 0,83%/tháng) x 20 tháng 13 ngày = 8.479.833,29 đồng.

Tổng vốn và lãi là: 50.000.000đ + 88.479.833,29 đ = 58.479.833,29đ làm tròn 58.480.000đ (năm mươi tám triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

Do đó, buộc bà Thái Thị Ph phải trả số tiền còn thiếu cho bà Thị Kim H1 là 58.480.000đ (năm mươi tám triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Về án phí DSST là: Yêu cầu của bà Thị Kim H1 được Tòa án chấp nhận nên ông nhận lại số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 1.250.000 đồng (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008746 ngày 01/12/2018 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Bà Thái Thị Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là: 58.480.000đ x 5% = 2.924.000đ (hai triệu chín trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 11, Điều 466, Điều 468 và Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Thị Kim H1 đối với bà Thái Thị Ph.

Buộc bà Thái Thị Ph phải trả cho bà Thị Kim H1 số tiền là 58.480.000đ (năm mươi tám triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí DSST: Là 2.924.000đ (hai triệu chín trăm hai mươi bốn nghìn đồng) buộc bà Thái Thị Ph phải nộp.

Bà Thị Kim H1 được Tòa án chấp nhận nên bà nhận lại số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 1.250.000 đồng (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008746 ngày 01/12/2018 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Báo cho bà Thị Kim H1 biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 27/11/2019. Bà Thái Thị Ph có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a và Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
-UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Hoài Thanh